

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP ĐỔI MỚI CĂN BẢN, TOÀN DIỆN GIÁO DỤC – ĐÀO TẠO

Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI họp từ ngày 31 tháng 9 đến 9 tháng 10 năm 2013 tại Hà Nội đã thảo luận “Đề án đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”. Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một trân trọng giới thiệu những nội dung cơ bản về mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo được nêu ra trong đề án.

I. MỤC TIÊU ĐỔI MỚI CĂN BẢN, TOÀN DIỆN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỚI NĂM 2030

1. Mục tiêu tổng quát

Tạo chuyển biến căn bản về chất lượng và hiệu quả giáo dục; khắc phục cơ bản các yếu kém kéo dài đang gây bức xúc trong xã hội để giáo dục và đào tạo trở thành một nhân tố quyết định cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước. Phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực và hội nhập quốc tế.

Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện, yêu gia đình, yêu Tổ quốc; có hiểu biết và kĩ năng cơ bản, khả năng sáng tạo để làm chủ bản thân, sống tốt và làm việc hiệu quả – thực học, thực nghiệp; phát triển tốt nhất tiềm năng của mỗi cá nhân; đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước.

Xây dựng nền giáo dục mở, dạy tốt, học tốt, quản lí tốt, có cơ cấu và phương thức giáo dục hợp lí, gắn với xây dựng xã hội học tập; bảo đảm các điều kiện nâng cao chất lượng. Hệ thống giáo dục được chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa, hội nhập quốc tế; giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và mang đậm bản sắc dân tộc.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giáo dục mầm non tập trung giúp trẻ phát triển thể chất, tình cảm, hiểu biết, thẩm mỹ, góp phần hình thành các yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ bước vào lớp 1.

Hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi vào năm 2015, nâng cao chất lượng phổ cập trong những năm tiếp theo và thực hiện miễn học phí trước năm 2020 cho đối tượng này. Từng bước chuẩn hóa hệ thống các trường mầm non. Phát triển giáo dục mầm non dưới 5 tuổi có chất lượng, phù hợp với điều kiện và yêu cầu của từng địa phương.

b) Giáo dục phổ thông tập trung nâng cao dân trí, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, hình thành phẩm chất, năng lực công dân, định hướng nghề nghiệp cho học sinh. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kĩ năng, ngoại ngữ (chủ yếu là tiếng Anh), tin học, năng lực thực hành và vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Xây dựng mới chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn sau năm 2015. Bảo đảm cho

học sinh kết thúc lớp 9 phải có tri thức phổ thông nền tảng, cơ bản; học sinh trung học phổ thông phải được tiếp cận nghề nghiệp và được chuẩn bị tốt cho giai đoạn học sau phổ thông. Thực hiện giáo dục bắt buộc 9 năm từ sau năm 2020.

Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, phấn đấu đến năm 2020 có 80% thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ giáo dục trung học phổ thông và tương đương.

c) Giáo dục nghề nghiệp tập trung đào tạo nhân lực có kiến thức, kĩ năng và trách nhiệm nghề nghiệp.

Hình thành hệ thống giáo dục nghề nghiệp với nhiều phương thức và trình độ đào tạo kĩ năng nghề nghiệp theo hướng ứng dụng, thực hành, bảo đảm đáp ứng nhu cầu nhân lực kĩ thuật của doanh nghiệp, thị trường lao động trong nước và xuất khẩu.

d) Giáo dục đại học tập trung đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, phát triển phẩm chất và năng lực tự học, tự đổi mới tri thức, sáng tạo của người học.

Có mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học, cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo phù hợp với qui hoạch phát triển nhân lực quốc gia; phát triển một số trường ngang tầm khu vực và quốc tế. Đa dạng hóa các cơ sở đào tạo phù hợp với nhu cầu phong phú về công nghệ và trình độ phát triển của các lĩnh vực, ngành nghề, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao phục vụ cho phát triển kinh tế – xã hội.

đ) Giáo dục thường xuyên tạo cơ hội cho mọi người, nhất là ở vùng nông thôn, vùng khó khăn, các đối tượng diện chính sách được học tập ở mọi lúc, mọi nơi, mọi trình độ nhằm nâng cao dân trí, trình độ, kĩ năng, chuyên môn nghiệp vụ, chất lượng cuộc sống; tạo điều kiện thuận lợi để chuyển đổi nghề

nghiệp đối với người lao động; củng cố bền vững kết quả xóa mù chữ.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và quản lí của Nhà nước đối với quá trình đổi mới giáo dục, trước hết là đổi mới mạnh mẽ, sâu sắc tư duy giáo dục

Nhiệm vụ và giải pháp này nhằm thay đổi nhận thức và trách nhiệm của toàn xã hội về giáo dục. Đây là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, vừa trước mắt, vừa lâu dài quyết định sự thành công của công cuộc đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo.

a) Sự nghiệp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo được đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng, sự quản lí của Nhà nước, với sự tham gia của toàn xã hội. Nhận thức sâu sắc và đầy đủ các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và điều kiện bảo đảm thành công sự nghiệp đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục nước nhà.

b) Khẳng định đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lí giáo dục có vai trò quyết định chất lượng giáo dục; người học là chủ thể của quá trình giáo dục; gia đình có trách nhiệm phối hợp với nhà trường trong việc giáo dục nhân cách, lối sống và hướng nghiệp, chọn ngành nghề cho con em mình; công nghệ thông tin ngày càng có tác động mạnh mẽ làm thay đổi cơ bản cách lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức và quản lí giáo dục;

c) Tăng cường nghiên cứu để tạo cơ sở khoa học và vận dụng các kết quả nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học quản lí phục vụ công tác đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

d) Đổi mới mạnh mẽ công tác thông tin và truyền thông để thống nhất về nhận

thức, tạo sự đồng thuận và huy động sự tham gia của toàn xã hội vào công cuộc đổi mới và phát triển giáo dục.

2. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của chương trình giáo dục (mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục) theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học

Nhiệm vụ và giải pháp thứ hai nhằm chuyển từ giáo dục chủ yếu nhằm trang bị kiến thức sang mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực người học.

a) Xác định mục tiêu giáo dục con người vừa đáp ứng yêu cầu xã hội vừa phát triển cao nhất tiềm năng của mỗi cá nhân. Phát triển năng lực và phẩm chất người học, hài hòa đức, trí, thể, mỹ thay vì chỉ chú trọng trang bị kiến thức; kết hợp hài hòa dạy người, dạy chữ và dạy nghề.

b) Nội dung giáo dục đổi mới theo hướng tinh giản, cơ bản, hiện đại, giảm tính hàn lâm, tăng tính thực hành và vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn. Thiết kế nội dung giáo dục phổ thông theo hướng tích hợp cao các môn học ở các lớp học dưới và phân hóa dần ở các lớp học trên; giảm số môn học bắt buộc; tăng số môn học, chủ đề và hoạt động giáo dục dành cho học sinh tự chọn. Đa dạng hóa nội dung giáo dục nghề nghiệp theo hướng tích hợp kiến thức, kĩ năng, thái độ, hình thành năng lực nghề nghiệp cho người học. Đổi mới nội dung giáo dục đại học theo hướng cơ bản, tích hợp các lĩnh vực kiến thức, kĩ năng và hiểu biết xã hội, tiếp cận thành tựu khoa học – công nghệ tiên tiến trên thế giới. Đổi mới chương trình giáo dục đạo đức, giáo dục công dân, giáo dục chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh theo hướng tập trung vào

những giá trị cơ bản của đạo lí dân tộc, đạo đức xã hội, trách nhiệm cộng đồng, những giá trị cốt lõi và nhân văn của chủ nghĩa Mác – Lênin; giảm tải phù hợp với lứa tuổi, trình độ và ngành nghề đào tạo. Dạy học ngoại ngữ và tin học theo hướng chuẩn hóa, thiết thực, bảo đảm năng lực sử dụng thực tế của người học. Chú trọng dạy tiếng nói và chữ viết của dân tộc thiểu số. Phát triển đa dạng nội dung, tài liệu học tập đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của mọi người.

c) Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kĩ năng của người học, tập trung dạy cách học, cách nghĩ và tự học, theo phương châm “giảng ít, học nhiều”. Chuyển quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo. Bồi dưỡng khát vọng học tập suốt đời.

Chuyển từ chủ yếu thực hiện chương trình giáo dục trên lớp học sang tổ chức đa dạng các hình thức thực hiện chương trình giáo dục; tăng cường các hoạt động xã hội, nghiên cứu khoa học của người học. Coi trọng sự phối hợp chặt chẽ giáo dục nhà trường, giáo dục gia đình và giáo dục xã hội. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học; tăng cường áp dụng hình thức giáo dục từ xa có chất lượng.

3. Đổi mới căn bản hình thức và phương pháp kiểm tra, thi và đánh giá chất lượng giáo dục, bảo đảm trung thực, khách quan, chính xác, theo yêu cầu phát triển năng lực, phẩm chất người học

Nhiệm vụ và giải pháp thứ ba nhằm xây dựng hệ thống đánh giá kết quả giáo dục một cách khoa học, hiệu quả, góp phần tạo

ra một nền giáo dục thực chất, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước.

a) Nội dung, hình thức kiểm tra, thi và đánh giá kết quả giáo dục phải chú trọng đánh giá việc hiểu, vận dụng kiến thức, kĩ năng vào việc giải quyết các vấn đề trong học tập và thực tiễn; hạn chế yêu cầu ghi nhớ máy móc, “học tủ”; đánh giá được sự tiến bộ về phẩm chất và năng lực của người học; phối hợp sử dụng kết quả đánh giá trong quá trình học và đánh giá cuối kỳ, cuối năm học; đánh giá của người dạy và tự đánh giá của người học; đánh giá của nhà trường và đánh giá của gia đình, của xã hội.

b) Đổi mới phương thức thi và công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông theo hướng kiểm tra năng lực học sinh, thiết thực, hiệu quả, tin cậy, sử dụng được kết quả công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông làm căn cứ cho tuyển sinh của nhiều cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.

c) Đổi mới phương thức đánh giá và công nhận tốt nghiệp đối với giáo dục kĩ thuật và đào tạo nghề trên cơ sở đánh giá năng lực thực hiện, kiến thức, kĩ năng và thái độ nghề nghiệp, có sự tham gia của doanh nghiệp hoặc đại diện sử dụng lao động.

d) Đổi mới phương thức tuyển sinh đại học theo hướng kết hợp kết quả giáo dục phổ thông và yêu cầu của ngành đào tạo; đánh giá kết quả đào tạo đại học theo hướng chú trọng đánh giá năng lực phân tích, phê phán, sáng tạo, giải quyết vấn đề và thái độ nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ, năng lực thực hành tương xứng với trình độ đào tạo, năng lực thích nghi với môi trường làm việc.

đ) Ngoài việc đánh giá kết quả học tập của người học, cần tiến hành các hình thức

đánh giá chất lượng giáo dục cả nước, từng địa phương, từng cơ sở giáo dục; thực hiện các kỳ đánh giá quốc gia chất lượng giáo dục phổ thông và tham gia đánh giá quốc tế để làm căn cứ đề xuất chính sách, giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục.

e) Xây dựng, hoàn thiện hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục của Nhà nước, của xã hội. Định kỳ kiểm định chất lượng các cơ sở giáo dục và các chương trình đào tạo, công khai kết quả kiểm định trước xã hội.

4. Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập

Nhiệm vụ và giải pháp thứ tư nhằm khắc phục những bất hợp lí của hệ thống giáo dục khép kín, thiếu mềm dẻo, thiếu liên thông; xây dựng hệ thống giáo dục mở đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người dân và tăng hiệu quả giáo dục.

a) Xây dựng khung trình độ quốc gia, tiêu chuẩn kĩ năng nghề nghiệp phù hợp với bối cảnh đất nước và xu thế các nước trong khu vực và trên thế giới. Mở thêm loại hình bồi dưỡng sau tiến sĩ.

b) Ổn định hệ thống giáo dục phổ thông như hiện nay, thực hiện giáo dục cơ bản, bắt buộc 9 năm, phân luồng mạnh sau trung học cơ sở; phân hóa và định hướng nghề nghiệp ở trung học phổ thông; tiếp tục nghiên cứu đổi mới hệ thống giáo dục phổ thông phù hợp với xu thế phát triển giáo dục của các nước.

c) Qui hoạch lại mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học gắn với qui hoạch phát triển kinh tế – xã hội, qui hoạch phát triển nhân lực gắn với nhu cầu của thị trường lao động. Rà soát, hoàn thiện hệ thống giáo dục nghề nghiệp theo hướng:

thống nhất về tên gọi các trình độ đào tạo, chuẩn đầu ra, chính sách, cơ chế và đối tượng áp dụng; bảo đảm liên thông trong hệ thống; bảo đảm thống nhất quản lý nhà nước của Chính phủ. Hình thành một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao; đẩy mạnh giáo dục nghề nghiệp sau trung học, liên thông giữa giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.

Tiếp tục sắp xếp lại mạng lưới các trường đại học, cao đẳng và các viện nghiên cứu, đồng thời đổi mới cơ chế để gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học. Phân tầng cơ sở giáo dục đại học theo định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng – thực hành. Hoàn thiện mô hình đại học quốc gia, đại học vùng, đồng thời củng cố và phát triển một số cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp đạt trình độ cao ở khu vực và trình độ quốc tế để cung cấp nhân lực chất lượng cao. Nghiên cứu giảm học phí số năm học đại học ở một số ngành và lĩnh vực (cá biệt có trường học tăng thêm).

d) Hệ thống giáo dục phổ thông chủ yếu là loại hình trường công lập; đồng thời khuyến khích xã hội đầu tư phát triển các trường chất lượng cao. Trong giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học, phát triển song song loại hình trường công lập và ngoài công lập; tăng cường vai trò trường ngoài công lập, bao gồm cả các trường chất lượng cao. Hướng tới có loại hình cơ sở giáo dục do cộng đồng đầu tư.

đ) Đa dạng hoá các phương thức đào tạo. Qui hoạch phát triển các cơ sở giáo dục đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của nhân dân và xây dựng xã hội học tập. Phát triển các trung tâm giáo dục – đào tạo – bồi dưỡng nghề các cấp từ cơ sở. Đẩy mạnh đào tạo nghề, bồi dưỡng năng lực, kỹ năng nghề tại

cơ sở sản xuất, kinh doanh. Tập trung phát triển một số cơ sở giáo dục đại học dẫn đầu về nghiên cứu và phát triển công nghệ đào tạo mở và từ xa.

5. Đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, bảo đảm dân chủ, thống nhất; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục; coi trọng quản lý chất lượng. Quản lý tốt là tiền đề căn bản để dạy tốt và học tốt

Để đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, điều đặc biệt quan trọng là phải đổi mới căn bản quản lý giáo dục; trong đó tập trung vào việc tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, phát huy vai trò của ngành giáo dục, vai trò của các tổ chức chính trị – xã hội; đẩy mạnh phân cấp, nâng cao trách nhiệm, tạo động lực và tính chủ động, sáng tạo của các cơ sở giáo dục.

a) Tiếp tục đẩy mạnh việc phân định công tác quản lý nhà nước về giáo dục với công tác quản lý đào tạo, quản trị của cơ sở giáo dục.

b) Các cơ quan quản lý giáo dục địa phương được chủ động quyết định hoặc tham gia trực tiếp về quản lý nhân sự, tài chính cùng với quản lý thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của giáo dục mầm non, phổ thông, nghề nghiệp.

c) Coi trọng quản lý chất lượng đầu ra, quản lý quá trình đào tạo và chuẩn hóa các điều kiện bảo đảm chất lượng. Xây dựng hệ thống kiểm định độc lập về chất lượng giáo dục và đào tạo.

d) Xây dựng cơ chế thu nhận và xử lý các thông tin trong quản lý giáo dục. Đồng thời với việc cấp trên đánh giá cấp dưới, thực hiện cơ chế người học tham gia đánh giá hoạt động giáo dục, nhà giáo tham gia đánh

giá cán bộ quản lý, cơ sở giáo dục tham gia đánh giá cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục. Đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và của các cơ sở giáo dục.

đ) Phát triển hệ thống thông tin quản lý giáo dục và thị trường lao động. Tăng cường công tác dự báo về giáo dục, đào tạo và nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội.

e) Hoàn thiện cơ chế quản lý lưu học sinh ở nước ngoài, cơ chế liên kết đào tạo với nước ngoài và cơ chế quản lý những cơ sở giáo dục nước ngoài ở Việt Nam.

g) Đổi mới quản trị cơ sở giáo dục, đào tạo theo hướng phát huy dân chủ, tính sáng tạo; giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đồng bộ cả về tổ chức thực hiện nhiệm vụ, nhân lực, tài chính, tài sản; tăng dần vai trò của Hội đồng trường, giảm dần vai trò của bộ chủ quản. Trong Hội đồng trường bảo đảm vai trò của Đảng ủy và cơ quan chủ quản. Thực hiện cơ chế tự chủ và chịu trách nhiệm xã hội, công khai, chịu sự giám sát của các chủ thể trong nhà trường, của Nhà nước và của xã hội đối với cơ sở giáo dục đồng thời tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý các cấp.

h) Các cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức xã hội, các cơ quan quản lý và các cơ sở giáo dục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, phối hợp trách nhiệm giải quyết các hiện tượng tiêu cực kéo dài, gây bức xúc xã hội.

6. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đào tạo

Nhiệm vụ và giải pháp thứ sáu nhằm xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu,

gương mẫu về trách nhiệm nghề nghiệp, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ; đây là giải pháp then chốt bảo đảm sự thành công của công cuộc đổi mới giáo dục.

a) Xây dựng qui hoạch và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

Sắp xếp lại các cơ sở đào tạo giáo viên theo hướng khắc phục tình trạng phân tán, hình thành các trường sư phạm khu vực. Các trường sư phạm chỉ làm nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và nghiên cứu khoa học. Không giao nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng giáo viên đối với một số cơ sở đào tạo sư phạm hiện nay nếu xét thấy không còn phù hợp. Tập trung xây dựng một số trường sư phạm, sư phạm kỹ thuật trọng điểm. Xây dựng và thực hiện cơ chế điều hòa, phối hợp trong quá trình phát triển và hoạt động của các trường sư phạm, sư phạm kỹ thuật theo mục tiêu, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục trên phạm vi cả nước.

Có cơ chế tuyển sinh và cử tuyển riêng để tuyển chọn được những người có năng lực phù hợp vào ngành sư phạm.

b) Đổi mới mạnh mẽ mục tiêu, nội dung, phương pháp đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng giáo viên và đánh giá kết quả học tập, rèn luyện trong đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục, trách nhiệm, đạo đức nhà giáo và năng lực nghề nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu mới của giáo dục các cấp học và trình độ đào tạo.

Thực hiện chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý theo từng cấp học. Tiến tới tất cả giáo viên tiểu học, trung học cơ sở phải có trình độ đại học; giáo viên, giảng viên các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có trình

đại học trở lên và có năng lực sư phạm và năng lực nghề nghiệp tương ứng với trình độ và ngành nghề đào tạo; giảng viên cao đẳng, đại học có trình độ từ thạc sĩ trở lên và phải được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. Nhà giáo của các cơ sở đào tạo phải đi thực tế tại các cơ sở sản xuất, dịch vụ. Cán bộ quản lý giáo dục các cấp phải được đào tạo về nghiệp vụ quản lý.

c) Có chế độ đặc thù cho nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục ở cơ sở giáo dục và cơ quan quản lý giáo dục.

Việc tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ và tôn vinh nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục phải trên cơ sở đánh giá thực tế năng lực và hiệu quả công tác.

Tiếp tục thực hiện chủ trương về lương cho giáo viên như Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) đã khẳng định, có thêm chế độ phụ cấp thâm niên và phụ cấp khác tùy theo tính chất, kết quả và chất lượng công việc, theo vùng, đi đôi với cơ chế đánh giá, sàng lọc, bổ sung chế độ cho cán bộ quản lý giáo dục được hưởng thâm niên nghề.

Có chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho các giảng viên trẻ có nhà ở, tham gia nghiên cứu khoa học, học tập nâng cao trình độ, năng lực. Có chế độ ưu đãi và qui định hợp lý tuổi nghỉ hưu đối với nhà giáo có trình độ cao, đồng thời có cơ chế miễn nhiệm hoặc bố trí công việc khác đối với những người không còn phù hợp. Bảo đảm bình đẳng về tôn vinh và cơ hội đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ giữa nhà giáo trường công lập và trường ngoài công lập.

Xây dựng, áp dụng chính sách và cơ chế động viên đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tích cực tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Tạo điều

kiện để các nhà giáo, chuyên gia nước ngoài, kể cả người Việt Nam ở nước ngoài, tham gia giảng dạy và nghiên cứu ở trong nước.

7. Đổi mới chính sách, cơ chế tài chính, tăng cường cơ sở vật chất, huy động sự tham gia đóng góp của toàn xã hội, nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo dục

Nhiệm vụ và giải pháp thứ bảy khẳng định nguồn đầu tư từ ngân sách nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong tổng đầu tư xã hội cho giáo dục, đồng thời vẫn đa dạng hóa và phát huy hiệu quả các nguồn đầu tư khác cho giáo dục.

a) Ngân sách chi cho giáo dục tối thiểu đạt 20% tổng chi ngân sách. Bảo đảm đủ kinh phí đáp ứng yêu cầu của ngành giáo dục. Tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, tỉ lệ chi cho lương và phụ cấp theo lương không quá 75% tổng kinh phí chi thường xuyên hàng năm. Mức chi (tất cả các nguồn) cho một sinh viên đại học/năm tiến tới tối thiểu bằng 1,2 lần thu nhập quốc dân bình quân đầu người/năm. Ngân sách nhà nước đóng vai trò quyết định cho giáo dục phổ cập. Quan tâm đầu tư hơn nữa cho giáo dục vùng có đông bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn, những ngành nghề cần thu hút người học. Nghiên cứu cơ chế, mô hình phù hợp nhằm huy động nguồn lực của xã hội để cùng Nhà nước phát triển một số trường mầm non, phổ thông chất lượng cao.

b) Chuyển cơ chế cấp phát kinh phí bình quân sang đặt hàng trên cơ sở hệ thống định mức kinh tế – kĩ thuật và tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng của một số loại hình dịch vụ đào tạo, không phân biệt cơ sở đào tạo công lập và ngoài công lập nhằm tạo

sự cạnh tranh lành mạnh và phát triển bình đẳng. Bảo đảm mức chi cho mỗi người học tương ứng với chất lượng, phù hợp ngành nghề và trình độ đào tạo, nhất là đối với giáo dục nghề nghiệp. Minh bạch hóa các hoạt động liên danh, liên kết của các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo công; khắc phục tình trạng công tư lẫn lộn. Đổi mới cơ chế phân phối của các trường công theo hướng vừa bảo đảm quyền lợi của người lao động, người học, vừa có tích lũy tái đầu tư, tăng cường cơ sở vật chất của trường.

c) Có chính sách, cơ chế, qui định tỉ lệ đóng góp của người học, xã hội và Nhà nước trong chi phí giáo dục. Đối với những ngành đào tạo có khả năng xã hội hóa cao, mức đóng học phí được qui định trên cơ sở tính đủ chi phí, tương ứng với chất lượng đào tạo, ngân sách nhà nước không hỗ trợ, trừ đối tượng chính sách. Xây dựng cơ chế học phí cao – chất lượng cao đối với một số chương trình đào tạo, có sự giám sát chặt chẽ của cơ quan quản lý nhà nước và xã hội. Tiếp tục hoàn thiện chính sách và cơ chế tín dụng cho học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được vay để chi trả cho việc học. Khuyến khích việc hình thành các quỹ học bổng giúp cho học sinh nghèo và học sinh giỏi.

d) Xây dựng chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư cho giáo dục và đào tạo. Có cơ chế qui định trách nhiệm của các doanh nghiệp, cá nhân sử dụng lao động tham gia vào quá trình đào tạo và đầu tư cho đào tạo. Thực hiện chính sách tài chính khác nhau đối với trường không vì lợi nhuận và trường vì lợi nhuận. Tiến tới bảo đảm sự bình đẳng về quyền của người học ở trường công lập và người học ở trường ngoài công lập. Có cơ

chế ưu đãi tín dụng cho các cơ sở giáo dục, đào tạo.

đ) Xóa bỏ phòng học tạm, thực hiện mục tiêu kiên cố hóa trường, lớp học, từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật giáo dục, đặc biệt là hạ tầng công nghệ thông tin. Đảm bảo đến năm 2020 số học sinh/lớp không vượt quá qui định của từng cấp học. Có cơ chế, chính sách hỗ trợ để có đủ "đất sạch" cho việc xây dựng trường, quản lý nghiêm ngặt không để đất qui hoạch cho xây trường sử dụng vào mục đích khác.

e) Bảo đảm giám sát chặt chẽ việc sử dụng kinh phí; thực hiện công khai, minh bạch để xã hội và người học giám sát, đánh giá. Phân định rõ ngân sách chi cho giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học với ngân sách chi cho cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuộc hệ thống chính trị và các lực lượng vũ trang.

8. Nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu khoa học và công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học quản lý

Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học giáo dục và khoa học quản lý để giải quyết tốt những vấn đề lý luận và thực tiễn trong quá trình đổi mới giáo dục; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục, nhất là cơ sở giáo dục đại học để nâng cao chất lượng đào tạo và góp phần phát triển khoa học và công nghệ của quốc gia, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế.

a) Thực sự coi trọng vai trò của khoa học giáo dục và khoa học quản lý. Phát triển mạng lưới cơ sở nghiên cứu khoa học giáo dục, tập trung đầu tư nâng cao năng lực nghiên cứu của cơ quan nghiên cứu khoa học giáo dục quốc gia. Chú trọng công tác xây

dựng đội ngũ cán bộ nghiên cứu và chuyên gia giáo dục trình độ cao. Triển khai chương trình nghiên cứu quốc gia về khoa học giáo dục để cung cấp luận cứ cho việc hoạch định chủ trương, chính sách, giải pháp phát triển giáo dục.

b) Tăng cường công tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học. Gắn kết chặt chẽ đào tạo, nhất là đào tạo sau đại học, với nghiên cứu khoa học và công nghệ; phát triển các sản phẩm và các giải pháp mới phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

c) Ưu tiên đầu tư cho nghiên cứu các khoa học mũi nhọn, phòng thí nghiệm trọng điểm, trung tâm nghiên cứu, trung tâm công nghệ cao, cơ sở sản xuất thử nghiệm ở trình độ hiện đại trong các cơ sở giáo dục đại học. Có chính sách khuyến khích học sinh, sinh viên nghiên cứu khoa học.

d) Khuyến khích thành lập các viện, trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong các trường đại học; hỗ trợ đăng ký và khai thác sáng chế, phát minh trong các cơ sở giáo dục. Đặt hàng và giao kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ cho các trường đại học để thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học. Nghiên cứu sáp nhập một số viện nghiên cứu khoa học với các trường đại học công lập.

9. Chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo

Chủ động mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo nhằm

tranh thủ các nguồn lực, vận dụng có chọn lọc và sáng tạo kinh nghiệm và các mô hình giáo dục tiên tiến đi đôi với phát huy nội lực, giữ vững bản sắc dân tộc, độc lập, tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa.

a) Mở rộng hội nhập quốc tế về giáo dục trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ. Hoàn thiện cơ chế hợp tác song phương và đa phương về giáo dục và đào tạo, gắn với việc tăng cường công tác quản lý nhà nước.

b) Triển khai các dự án, chương trình hợp tác quốc tế về giáo dục ở tầm quốc gia, ở các địa phương và các cơ sở giáo dục.

c) Tăng chỉ tiêu đào tạo ở nước ngoài với sự hỗ trợ của ngân sách đối với các ngành mũi nhọn, đặc thù và sinh viên trường sư phạm. Khuyến khích và hỗ trợ công dân Việt Nam đi học tập và nghiên cứu ở nước ngoài bằng kinh phí tự túc.

d) Liên kết đào tạo với các cơ sở giáo dục nước ngoài chủ yếu tập trung trong lĩnh vực giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp. Lựa chọn liên kết đào tạo với những cơ sở giáo dục nước ngoài đã được kiểm định và công khai kết quả kiểm định. Tất cả cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam đều phải dạy và học về đất nước và con người Việt Nam.

đ) Khuyến khích các tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đầu tư, tài trợ, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học, chuyển giao công nghệ và xây dựng một số cơ sở giáo dục ở Việt Nam.